

Bản án số: 72/2019/HSST
Ngày 10/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hải

Nghề nghiệp: Trưởng Công an xã H, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Ông Lê Thanh Bình

Nghề nghiệp: Phó Bí thư Huyện Đoàn H, tỉnh Thanh Hóa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hoá

Đại diện VKSND huyện Hoàng Hoá tham gia phiên tòa: Ông Dương Tiến Trung –
Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hoá mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 58/2019/HSST ngày 15 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2019/QĐXXST – HS ngày 01 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2019/QĐHPTST-HS ngày 14/8/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2019/QĐHPTST-HS ngày 20/8/2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn C1 - sinh ngày 05/10/1989. Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Thôn P, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Ngọc C(đã chết) và bà Lại Thị L. Có vợ Vũ Thị Ánh Nt- sinh năm 1994, có hai con lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân : - Ngày 17/6/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội Cường đoạt tài sản (Đã nộp án phí)

- Ngày 24/3/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản (Tổng hợp hình phạt 02 bản án sau khi trừ thời hạn tạm giam là 33 tháng 25 ngày tù) (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/4/2012; đã nộp án phí)

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2019 đến ngày 19/6/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. **Đỗ Văn C2**- sinh ngày 10/10/1989. Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Thôn L, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn L và bà Dương Thị Q; Bị cáo chưa có vợ con, là con thứ 3 trong gia đình có 4 anh em.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/12/2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 60 tháng tù về tội : " Vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng " (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2013, đã nộp án phí sơ thẩm và phúc thẩm)

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2019, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

3. **Chu Đình H**- sinh ngày 06/7/1995; Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn 3, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa 8/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chu Đình Dg và bà Nguyễn Thị N. Có vợ: Chu Phạm Thuý H, sinh năm 1997, có 1 con sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 02/8/2015 bị Công an phường Đ, thành phố T xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Nộp phạt ngày 13/8/2015)

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2019, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

Bị hại :

1. Lữ Duy H - sinh năm 1981

Địa chỉ: Phố V, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Nguyễn Minh A - tên gọi khác: Trần Kiều L- sinh ngày 03/10/2002

Người đại diện hợp pháp: Nguyễn Minh H (bố đẻ) - sinh năm 1978

Đều cùng địa chỉ: khu phố H, phường Q, Thành Phố S, Thanh Hóa.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ngân Khánh L- sinh ngày 02/2/2004

Địa chỉ: Bản E, xã Na, huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp: Bà Phạm Thị C- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Những người làm chứng:

1. Anh Lê Văn N- sinh năm 1998

Trú tại: Phố Hg, phường Q, Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Anh Hoàng Văn P, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện H, Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 10/01/2019, anh Hoàng Văn P, SN 1988 là chủ quán karaoke M ở thôn N, xã L, Huyện H gọi cho anh Lữ Duy H, SN 1981 ở phố T, Thị trấn B, Huyện H nói với anh H cho 02 nhân viên nữ đến phục vụ khách hát tại quán karaoke của mình. Anh H đồng ý và nói với anh Lê Văn N, SN 1998 ở P. Q, TP. S dùng xe mô tô chở 02 nhân viên Ngân Khánh L, SN 2004 ở xã T, huyện L và Nguyễn Minh A, SN 2002 ở P. Q, TP. S đến quán M. Khoảng 01 giờ ngày 11/01/2019, Đỗ Văn C2 là nhân viên giúp Trần Văn C1 quản lý nhân viên phục vụ quán hát tại xã L, Huyện H đi từ phòng trọ phía sau nhà nghỉ 268 ở thôn N, xã L ra quán karaoke MC thì gặp anh N. Sau khi hỏi anh P là chủ quán, C2 biết được anh N là người chở nhân viên của anh H đến phục vụ khách hát tại đây nên về phòng trọ thông báo cho C1 biết. Sau khi nghe C2 nói, C1 điều khiển xe ô tô màu xanh nhãn hiệu CHEVROLET SPARK, BKS 36A-048.99 chở C2 đi ra quán M. Khi ra đến quán karaoke M, C1 và C2 thấy anh N đang chở M và K đi từ quán ra. Biết anh N sẽ chở nhân viên đi về thị trấn B nên C1 điều khiển xe ô tô đi đến trước nhà xe TV ở thôn N, xã L, dừng lại để đón đầu. Khi gặp anh N chở Minh A và Khánh L đi đến thì bị C1 và C2 vấy tay dừng lại. C1 và C2 đe dọa không chế để Khánh L và Minh A lên chiếc xe trên rồi bảo anh Lê Văn N về bảo anh H lên nói chuyện. Sau đó C1 và C2 đưa Khánh L và Minh A về phòng trọ của C1 sau nhà nghỉ 268 ở xã L, Tại đây, C1 nói với Chu Đình H (là nhân viên của C1) ở lại trông coi Khánh L và Minh A. H đồng ý rồi C1 đi ra ngoài. Khoảng gần 03 giờ cùng ngày, C1 quay về phòng trọ nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên yêu cầu Minh A lấy điện thoại gọi cho anh G yêu cầu anh G đến gặp trực tiếp nói chuyện thì mới cho hai nhân viên về, đồng thời yêu cầu mang 5.000.000đ (năm triệu đồng) xuống nộp xem như là tiền phạt vì đưa nhân viên xuống làm tại địa bàn của C1 nếu không thì phải để 02 nhân viên ở lại làm việc cho C1 qua Tết mới cho về. Sau đó, C1 nói H nhấn tin vào số máy của anh T với nội dung “1 là phạt các 5 triệu, 2 là giữ 2 bé lại làm qua tết trả”. H đồng ý và sử dụng điện thoại NOKIA 222 màu đen để soạn tin nhắn theo nội dung mà C1 yêu cầu. Soạn tin nhắn xong, H đưa máy cho C1 kiểm tra lại nội dung, xem xong C1 nhấn gửi cho anh T. Sau đó, C2, C1 đi ra ngoài. Mặc dù nghe thấy việc C1 và H nhấn tin bắt anh

T mang 5.000.000 đ xuống để chuộc nhân viên về nhưng khi đi ra ngoài C2 vẫn dặn H ở lại phòng ngủ trông coi Minh A và Khánh L. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, khi không thấy C1 cho Nguyễn Minh A, Ngân Khánh L về nên anh N đã đến Công an huyện H trình báo sự việc. Nhận được tố giác tội phạm Cơ quan điều tra Công an H đã tiến hành kiểm tra, xác minh đến 15h ngày 11/01/2019 đã phát hiện bắt quả tang hành vi bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản của Trần Văn C1, Đỗ Văn C2 và Chu Đình H. Thu giữ vật chứng gồm 01 (một) điện thoại NOKIA 222 màu đen có số IMEI 1: 351835079186841, IMEI 2: 351835079186858 lắp sim số 0961993590; 01 (một) điện thoại SAMSUNG GALAXY J7 PRIME màu vàng có số IMEI 1: 357625087988831, IMEI 2: 357651087988837 lắp sim 1: 0974680639, sim 2: 0327961534; 01 (một) điện thoại OPPO A57 màu đen có số IMEI 1: 865259030575134, IMEI 2: 865259030575126 lắp sim 1: 0965664363, sim 2: 0962132806 và 01 (một) xe ô tô con nhãn hiệu CHEVROLET SPARK màu xanh mang BKS: 36A-048.99.

Vật chứng của vụ án:

- Chiếc xe ô tô Cheverloet màu xanh BKS: 36A- 048.99 quá trình điều tra xác định được chủ sở hữu là anh Lương Văn S - sinh năm 1987 ở xã L, Huyện H, Tỉnh T cho Trần Văn C1 thuê làm phương tiện đi lại anh S không biết C1 sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra Công an Hoàng Hóa đã trả lại cho anh S, anh S nhận tài sản và không có yêu cầu gì khác.- 01 (một) điện thoại NOKIA 222 màu đen có số IMEI 1: 351835079186841, IMEI 2: 351835079186858 lắp sim số 0961993590; 01 (một) điện thoại SAMSUNG GALAXY J7 PRIME màu vàng có số IMEI 1: 357625087988831, IMEI 2: 357651087988837 lắp sim 1: 0974680639, sim 2: 0327961534; 01 (một) điện thoại OPPO A57 màu đen có số IMEI 1: 865259030575134, IMEI 2: 865259030575126 lắp sim 1: 0965664363, sim 2: 0962132806; 01 điện thoại nhãn hiệu VERTU màu đen có số IMEI : 355711025048299 lắp sim số 0979802012 chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa để bảo quản chờ xét xử theo quy định của pháp luật

Bản cáo trạng số 61/ CT-VKSHH ngày 12/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hoá truy tố các bị cáo Trần Văn C1, Đỗ Văn C2 và Chu Đình H tội “ Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” theo theo điểm d, đ khoản 2 Điều 169 Bộ luật hình sự .

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng, đề nghị HĐXX áp dụng: điểm d, đ khoản 2 Điều 169, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 BLHS :Xử phạt bị cáo Trần Văn C1 : 6 năm 6 tháng đến 7 năm tù giam ;

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 169, điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 BLHS :Xử phạt bị cáo Đỗ Văn C2 : 6 năm đến 6 năm 6 tháng tù giam ;

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 169, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 BLHS : Xử phạt bị cáo Chu Đình H : 5 năm 6 tháng tù đến 6 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX xử lý theo quy định của pháp luật;

Về án phí: áp dụng điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 300.000đồng.

Các bị hại: Nguyễn Minh A, Ngân Khánh L có đơn xin xét xử vắng mặt và không có đề nghị bồi thường; Bà Phạm Thị Cxin xét xử vắng mặt; Anh Lữ Duy T không yêu cầu bồi thường và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho cả ba bị cáo;

Bị cáo Trần Văn C1, Đỗ Văn C2 và Chu Đình H trình bày lời nói sau cùng: xin cho các bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, VKSND huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa và trong các hồ sơ tài liệu của vụ án, các bị cáo đã khai nhận: Trần Văn C1, Đỗ Văn C2 và Chu Đình H cùng làm nghề quản lý nhân viên các quán hát trên địa bàn xã L và 1 số xã lân cận trong huyện Hoằng Hóa, nên khoảng 1 giờ ngày 11/1/2019 sau khi biết Nguyễn Minh A và Ngân Khánh L là nhân viên của Lữ Duy T trên Thị trấn B xuống xã L hát với khách, Đỗ Văn C2 đã thông báo cho C1 biết và C1 cho rằng địa bàn của mình đã bị xâm phạm nên C1 và C2 đã không cho hai cô gái trên về, mà khống chế, bắt giữ hai cô gái để phạt tiền đối với Lữ Duy T; C1 nói với Chu Đình H trông coi hai cô gái, yêu cầu Minh A gọi điện cho anh T bắt anh T mang tiền xuống chuộc người, sau đó C1 nói H nhấn tin vào số máy của anh T với nội dung’’ 1 là phạt các 5 triệu, 2 là giữ hai bé lại làm qua tết trả’’, T soạn xong tin nhấn thì đưa cho C1 xem và xem xong nội dung C1 nhấn gửi cho anh T. Đến 14 giờ cùng ngày không thấy các cô gái trở về, nên anh N (là người chở các cô gái xuống xã L) đã báo công an và Trần Văn C1, Đỗ Văn C2 và Chu Đình H đã bị bắt.

Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, với các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án nên HĐXX đã đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của các bị cáo Trần Văn C1, Đỗ Văn C2 và Chu Đình H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm d(đối với người dưới 16 tuổi) và điểm đ (đối với hai người trở lên) khoản 2 Điều 169 BLHS và cáo trạng của VKSND huyện H truy tố là đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ: Tính chất vụ án là nghiêm trọng: Quyền sở hữu tài sản và quyền tự do thân thể, danh dự, nhân phẩm của người khác là quyền được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này các bị cáo đều đã từng vi phạm pháp luật, có nhân thân xấu, nhưng không chịu hoàn lương mà tiếp tục phạm tội và là tội rất nghiêm trọng, do vậy cần xử phạt nghiêm các bị cáo, phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội 1 thời gian thì mới đảm bảo được mục đích của đấu tranh phòng chống tội phạm, trừng trị đi đôi với giáo dục, bảo vệ pháp chế xã hội, răn đe và làm gương trong xã hội.

Vụ án có 3 bị cáo cùng thực hiện hành vi, trong đó bị cáo Trần Văn C1 là người khởi xướng, là người chỉ đạo cho Đỗ Văn C2 và Chu Đình H trong việc trông nom, bắt người và đòi tiền chuộc nên C1 giữ vai trò thứ nhất; tiếp đến là bị cáo Đỗ Văn C2 là người tin báo cho bị cáo C1 biết việc các cô gái xuống làm, là người soạn tin nhắn để C1 nhắn gửi cho anh Lữ Duy T nên có vai trò thứ hai trong vụ án, bị cáo Chu Đình H tham gia với vai trò trông coi canh chừng các cô gái nên giữ vai trò sau cùng. Các bị cáo không bàn bạc, không sắp xếp hay phân công nhau, không có sự cấu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không chịu tình tiết tăng nặng;

Về tình tiết giảm nhẹ: Toàn bộ hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay thể hiện các bị cáo đều thành khẩn khai nhận tội, thật thà khai báo và được người bị hại là anh Lữ Duy T xin giảm nhẹ hình phạt nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51 BLHS; Bị cáo Trần Văn C1 và bị cáo Đỗ Văn C2 có công phát giác tội phạm được chính quyền địa phương xác nhận nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 điều 51 BLHS;

Xét thấy, các bị cáo Trần Văn C1 trong thời gian tại ngoại đã phát giác 05 vụ việc giúp cơ quan điều tra bắt giữ tội phạm, Đỗ Văn C2 trước khi phạm tội lần này cũng có công được Công an xã nơi bị cáo cư trú xác nhận chứng tỏ các bị cáo phạm tội lần này cũng do thiếu hiểu biết pháp luật, trong vụ án này các bị cáo lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ do vậy cần áp dụng điều 54 của BLHS, để xử dưới khung hình phạt là phù hợp.

[4] Về bồi thường dân sự: Các bị hại không yêu cầu gì nên miễn xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS điều 106 BLTTHS;

Đối với chiếc xe ô tô Cheverolet màu xanh BKS: 36A- 048.99 mà C1 dùng làm phương tiện chở Nguyễn Minh A và Ngân Khánh L, quá trình điều tra xác định được chủ sở hữu là anh Lương Văn S - sinh năm 1987 ở xã L, huyện H, Thanh Hóa cho Trần Văn C1 thuê làm phương tiện đi lại anh S không biết C1 sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra Công an Hoàng Hóa đã trả lại cho anh S, anh S nhận tài sản và không có yêu cầu gì khác nên miễn xét:

Đối với 04 chiếc điện thoại đã thu được trong vụ án xác định có 01 chiếc điện thoại thu của Chu Đình H là công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước; số còn lại trả cho chủ sở hữu cụ thể:

- Trả lại cho anh Lữ Duy T 01 điện thoại nhãn hiệu VERTU màu đen có số IMEI : 355711025048299 lắp sim số 0979802012.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn C1 01 (một) điện thoại SAMSUNG GALAXY J7 PRIME màu vàng có số IMEI 1: 357625087988831, IMEI 2: 357651087988837 lắp sim 1: 0974680639, sim 2: 0327961534;

- Trả lại cho bị cáo Đỗ Văn C2 01 (một) điện thoại OPPO A57 màu đen có số IMEI 1: 865259030575134, IMEI 2: 865259030575126 lắp sim 1: 0965664363, sim 2: 0962132806;

- Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại NOKIA 222 màu đen có số IMEI 1: 351835079186841, IMEI 2: 351835079186858 lắp sim số 0961993590 thu được của bị cáo Chu Đình H;

Toàn bộ các vật chứng trên hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H.

[6] Về án phí: Các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 169 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn C1, Đỗ Văn C2, Chu Đình H phạm tội **"Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản"**.

Áp dụng: Điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 169, điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Trần Văn C1: 3(ba) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án được trừ đi thời gian đã tạm giam trước đó (từ ngày 11/1/2019 đến ngày 19/6/2019 là 5 tháng 08 ngày). Bị cáo còn phải chấp hành 30(ba mươi) tháng 22(hai hai) ngày.

Áp dụng: Điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 169, điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Đỗ Văn C2 : 03(ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 11 tháng 1 năm 2019.

Áp dụng: Điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 169, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Chu Đình H : 05(năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 11 tháng 1 năm 2019.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS , Điều 106 của BLTTHS:

- Trả lại cho anh Lữ Duy T 01 điện thoại nhãn hiệu VERTU màu đen có số IMEI : 355711025048299 lắp sim số 0979802012.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn C1 01 (một) điện thoại SAMSUNG GALAXY J7 PRIME màu vàng có số IMEI 1: 357625087988831, IMEI 2: 357651087988837 lắp sim 1: 0974680639, sim 2: 0327961534;

- Trả lại cho bị cáo Đỗ Văn C2 01 (một) điện thoại OPPO A57 màu đen có số IMEI 1: 865259030575134, IMEI 2: 865259030575126 lắp sim 1: 0965664363, sim 2: 0962132806;

- Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại NOKIA 222 màu đen có số IMEI 1: 351835079186841, IMEI 2: 351835079186858 lắp sim số 0961993590 thu được của bị cáo Chu Đình Hợi;

Theo Biên bản giao nhận vật chứng số 72/BBGN hồi 14 giờ 30 ngày 06 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS ; Điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Văn C1, Đỗ Văn C2 và Chu Đình H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và bị hại anh Lữ Duy T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại Nguyễn Minh A và Ngân Khánh Lh, người đại diện hợp pháp cho Nguyễn Minh A là anh Nguyễn Minh H, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Ngân Khánh L là bà Phạm Thị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h.H
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS h.;
- Công an h.;
- Bị cáo;
- UBND xã ,
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Lê Thị Phương Thanh